

Bản án số: 301/2024/DS-PT

Ngày: 16/12/2024

V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Minh Châu.

*Các Thẩm phán:* Bà Trịnh Ngọc Thúy;

Ông Nguyễn Phước Hưng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Thành Thái - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** Bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 215/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2024/DS-ST ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang bị kháng cáo, bị kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 257/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị Phương E năm 1970; (có mặt)

Nơi cư trú: Số A, Khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng N năm 1988; Nơi cư trú: Khu vực Bình Thạnh C, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền được Văn phòng C1 chứng nhận ngày 22/10/2024) (vắng mặt).

**2. Bị đơn:**

**2.1 Ông Huỳnh Kim P năm 1974; (vắng mặt)**

Nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang

**2.2 Ông Huỳnh Dũng M năm 1966; (vắng mặt)**

Nơi cư trú: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang

2.3 Ông Huỳnh Kim G năm 1972; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang

2.4 Ông Huỳnh Ngọc Q năm 1977; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Huỳnh Thị N1 H1 sinh năm 1963; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang

3.2 Bà Huỳnh Thị H năm 1968; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang

Hiện ngụ: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang

3.3 Bà Huỳnh Thị Phương A năm 1969; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang

3.4 Ông Huỳnh Bảo D năm 1979; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang

Hiện ngụ: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang

3.5 Ông Đoàn Thanh L năm 1975; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số B, tổ H, ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang

3.6 Bà Hồ Thị Kim M1 sinh năm 1987; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang

3.7 Cháu Huỳnh Thị T D1 sinh năm 2010; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang

3.8 Cháu Huỳnh Ngọc K P1 sinh năm 2017; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang

Người đại diện hợp pháp của cháu D1 và cháu P1 Ông Huỳnh Ngọc Q1 bà Hồ Thị Kim M1 người đại diện theo pháp luật (cha mẹ của D1 P1) (vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phương E1 có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị N1 H1 bà Huỳnh Thị H1 ông Huỳnh Bảo D1

5. Viện Kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện C kháng nghị.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

*Theo Đơn khởi kiện ngày 23/3/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phương E2 bày:* Cha, mẹ của bà P1 là cụ ông Huỳnh Kim S ngày 07/02/2014 và cụ bà Trần Thị T1 ngày 13/5/2016, có tất cả 09 người con gồm các ông, bà: H16

Thời sinh tiền, cụ Scụ T2 tạo lập một số tài sản gồm có: Quyền sử dụng diện tích 6.286m<sup>2</sup> đất trồng lúa, tọa lạc ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang (sau đây gọi là đất trồng lúa tại ấp N Giấy chứng nhận số 02018/eB ngày 21/10/1996 được Ủy ban nhân dân huyện C cho cụ Huỳnh Kim S1 sử dụng diện tích 1.507,6m<sup>2</sup> đất ở, trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang (sau đây gọi là đất ở, cây lâu năm tại ấp N Giấy chứng nhận số 04794/eB ngày 25/9/2001 được Ủy ban nhân dân huyện C cho cụ Huỳnh Kim S2 ông Huỳnh Kim P2 lý.

Ngoài ra, trên phần đất ở, cụ S3 Xây dựng căn nhà sàn bằng gỗ, lợp ngói kích thước ngang 05m dài 09m; 01 tủ thờ bằng gỗ, 01 bàn dài bằng gỗ; 01 ghế nghỉ bằng gỗ có cần xà cừ; 06 ghế gỗ, 02 tấm liễn bằng gỗ có cần xà cừ do ông Huỳnh Kim P2 lý.

Trước khi chết, cụ S4 di chúc ngày 04/01/2014 và di chúc ngày 06/02/2014 chia đất cho các con, có mặt bà Phương E13 cụ TMặc dù di chúc không có chữ ký tên của cụ T3 có đồng ý nội dung di chúc khi nghe cụ S5 lại. Cụ S6 xong 02 tờ di chúc, đưa cho bà P1 Emang cho ông M2 di chúc để ký tên nhưng ông M3 chối ký tên.

Phần diện tích 6.286m<sup>2</sup> đất trồng lúa tại ấp N được ông Đoàn Thanh L1 tác theo hợp đồng thuê đất với ông D2 ngày 15/12/2021. Đến nay, bà Phương E3 nhận các phần đất theo di chúc sau khi cụ Scụ T4. Bà Phương E4 chấp nhận di chúc ngày 14/01/2014 do ông P3 nộp với lý do không biết gì về tờ di chúc này.

Vì vậy, bà Phương E5 kiện yêu cầu chia di sản của cụ S3 T cho bà P1 Được hưởng bằng hiện vật quyền sử dụng, gồm: Diện tích 1.500m<sup>2</sup> đất trồng lúa trong diện tích 6.286m<sup>2</sup> tại ấp N 200m<sup>2</sup> đất ở trong diện tích 1.300,3m<sup>2</sup> tại ấp N di chúc ngày 04/01/2014, ngày 06/02/2014 của cụ S3 T

Đến ngày 29/6/2022, bà P1 E có đơn đề nghị rút lại một phần yêu cầu giải quyết về chia di sản thừa kế quyền sử dụng diện tích 200m<sup>2</sup> đất ở, cây lâu năm tại ấp N

*Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Huỳnh Kim P4 bày:* Ông P5 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phương E6 các quyền sử dụng đất mà bà Phương E7 chấp đã được cụ S3 T cho ông P6 theo di chúc ngày 14/01/2014. Đối với 02 di chúc ngày 04/01/2014 và ngày 06/02/2014 mà bà Phương E8 cứ vào đó để yêu cầu chia thừa kế thì đây là hai bản nháp, không phải là di chúc của cụ S

*Theo Đơn yêu cầu độc lập ngày 04/7/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Bảo D3 bày:* Ông thông nhất về hàng thừa kế, thời điểm cụ Scụ T4 và di sản của cụ Scụ T5 ông Huỳnh Kim P2 lý. Ông D4 nhận di chúc lập ngày 04/01/2014 và ngày 06/02/2014 của cụ Scụ T6 không chấp nhận di chúc ngày 14/01/2014 do ông P3 nộp với lý do cụ S7 biết đánh

máy. Theo di chúc ngày 04/01/2014 và ngày 06/02/2014, ông D12 hưởng diện tích 2.500m<sup>2</sup> đất trồng lúa tại ấp N diện tích 200m<sup>2</sup> đất ở tại ấp N diện tích 6.286m<sup>2</sup> đất trồng lúa tại ấp N ông D5 ông L2 toàn bộ đất đó khoảng 04 năm nay, việc cho thuê chỉ nói miệng, có sự thống nhất của anh chị em ông D6 cho thuê đất trồng lúa theo từng năm, hết thời hạn 01 năm, ông L3 nhu cầu thuê tiếp thì ông D5 thuê. Lần cuối cùng, vào tháng 01/2023, ông L2 toàn bộ đất trong thời hạn 01 năm, số tiền thuê đất được ông D7 làm chi phí ăn sống hàng ngày do bản thân ông D8 có vợ con và có bệnh tật. Thời hạn ông L2 đất sắp hết. Khi đó, ông Lthu H2 lúa sẽ giao toàn bộ đất cho ông D9 không có tranh chấp về hợp đồng thuê đối với diện tích 6.286m<sup>2</sup> đất trồng lúa.

Vì vậy, ông D10 cầu thừa hưởng căn nhà của cụ S3 T và các vật dụng gồm: 01 tủ thờ bằng gỗ, 01 bàn dài bằng gỗ; 01 ghế nghỉ bằng gỗ có chân xà cừ; 06 ghế gỗ, 02 tấm liễn bằng gỗ có chân xà cừ;

Đồng thời, ông D10 cầu chia di sản của cụ S3 T cho ông D12 hưởng bằng hiện vật quyền sử dụng, gồm: Diện tích 2.500m<sup>2</sup> đất trồng lúa trong diện tích 6.286m<sup>2</sup> tại ấp N 200m<sup>2</sup> đất ở trong diện tích 1.300,3m<sup>2</sup> tại ấp N Di chúc ngày 04/01/2014 và ngày 06/02/2014 của cụ S3 T

*Theo Đơn yêu cầu độc lập ngày 20/7/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H3 bày:* Bà thống nhất về hàng thừa kế, thời điểm cụ Scụ T4 và di sản của cụ Scụ T5 ông Huỳnh Kim P2 lý. Bà H4 nhận di chúc lập ngày 04/01/2014 và ngày 06/02/2014 của cụ Scụ T6 không chấp nhận di chúc ngày 14/01/2014 do ông P3 nộp với lý do không biết gì về tờ di chúc đó. Theo di chúc lập ngày 04/01/2014, bà H9 hưởng diện tích 1.000m<sup>2</sup> đất trồng lúa. Tuy nhiên, bà H5 làm nhà trên đất khoảng 500m<sup>2</sup> và còn lại 500m<sup>2</sup> thì bà H6 nhận.

Vì vậy, bà H7 cầu chia di sản của cụ S3 T cho bà H9 hưởng bằng hiện vật quyền sử dụng diện tích 1.000m<sup>2</sup> đất trồng lúa tại ấp N di chúc ngày 04/01/2014 của cụ S3 T

*Theo Đơn yêu cầu độc lập ngày 08/3/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N1 H1 trình bày:* Bà thống nhất về hàng thừa kế, thời điểm cụ Scụ T4 và di sản của cụ Scụ T5 ông Huỳnh Kim P2 lý. Bà H1 chấp nhận di chúc lập ngày 04/01/2014 và ngày 06/02/2014 của cụ Scụ T6 không chấp nhận di chúc ngày 14/01/2014 do ông P3 nộp với lý do di chúc được làm giả và cụ S8 bệnh nặng, không có minh mẫn.

Vì vậy, bà H1 yêu cầu chia di sản của cụ S3 T cho bà H1 được hưởng bằng hiện vật quyền sử dụng diện tích 500m<sup>2</sup> đất trồng lúa tại ấp N di chúc ngày 04/01/2014 của cụ S3 T

*Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Thanh L4 bày:* Năm 2023, ông D13 cho ông L2 khoảng 06 công đất trồng lúa, với giá thuê 1.800.000 đồng/công, ông L5 giao tiền thuê 01 lần cho cả năm, thời hạn thuê đất 01 năm, qua Tết nguyên đán năm 2024 sẽ kết thúc hợp đồng

thuê với ông D việc xác lập hợp đồng thuê đất trồng lúa chỉ nói miệng do chỗ bà con với nhau. Hiện tại, ông L6 trồng lúa vụ Đông Xuân năm 2023 âm lịch trên toàn bộ đất. Nếu bà Phương E9 chia thừa kế tài sản là phần đất đang thuê thì ông L7 sàng giao trả lại đất cho ông D bà Phương E10 khi ông L8 hoạch xong 01 vụ mùa theo thỏa thuận.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2024/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ:

- Điều 5, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 147, khoản 1 Điều 57, Điều 201, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 611, 614, điểm b khoản 1 điểm a khoản 2 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự.

- Điều 652, điểm d khoản 1 Điều 653, Điều 655, Điều 657 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Khoản 3 Điều 24, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận phần khởi kiện của bà Huỳnh Thị Phương E11 cầu độc lập của bà Huỳnh Thị H8 Huỳnh Thị N1 H1 ông Huỳnh Bảo D11 với ông Huỳnh Dũng Mông Huỳnh Kim G2 Huỳnh Kim P và ông Huỳnh Ngọc Q2 yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Sụ T7 quyền sử dụng diện tích 6286,0m<sup>2</sup> đất trồng lúa, tọa lạc ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận số H0978eB ngày 14/9/2007 do Ủy ban nhân dân huyện C cho cụ S3 T

2. Chia di sản bằng hiện vật cho những người thừa kế sau đây:

2.1. Ông Huỳnh Kim P7 hưởng quyền sử dụng diện tích 2.705,0m<sup>2</sup> đất trồng lúa tại các điểm A, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 38, 37.

2.2. Ông Huỳnh Ngọc Q3 hưởng quyền sử dụng diện tích 2.149,0m<sup>2</sup> đất trồng lúa tại các điểm 4, A, 37, 35.

2.3. Ông Huỳnh Bảo D12 hưởng quyền sử dụng diện tích 1.432m<sup>2</sup> đất trồng lúa, trong đó diện tích 449,0m<sup>2</sup> tại các điểm 24, 25, 26, 29, 33, 32, diện tích 211,0m<sup>2</sup> tại các điểm 29, 30, 34, 33, diện tích 772,0m<sup>2</sup> tại các điểm 4, 35, 34, 30, 31.

3. Chia di sản bằng giá trị và nghĩa vụ thanh toán cho những người thừa kế sau đây:

3.1. Buộc ông Huỳnh Bảo D13 trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị di sản cho:

Bà Huỳnh Thị Phương E12 hưởng số tiền 50.480.000 đồng;

Bà Huỳnh Thị H9 hưởng số tiền 50.480.000 đồng;

Bà Huỳnh Thị N2 hưởng số tiền 20.399.600 đồng;

3.2. Buộc ông Huỳnh Kim P8 trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị di sản cho:

Ông Huỳnh Kim G1 hưởng số tiền 50.480.000 đồng;

Bà Huỳnh Thị Phương A1 hưởng số tiền 43.639.600 đồng;

3.3. Buộc ông Huỳnh Ngọc Q4 trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị di sản cho:

Ông Huỳnh Dũng M4 hưởng số tiền 50.480.000 đồng;

Bà Huỳnh Thị N2 hưởng số tiền 30.080.400 đồng;

Bà Huỳnh Thị Phương A1 hưởng số tiền 6.839.200 đồng;

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đất đai (có kèm theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp lập bổ sung ngày 12/6/2024).

4. Đình chỉ xét xử đối với phần khởi kiện, yêu cầu chia di sản thừa kế quyền sử dụng diện tích 200m<sup>2</sup> đất ở, cây lâu năm, nếu có tranh chấp thì có quyền thỏa thuận, khởi kiện lại phần đã rút yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự, án phí dân sự sơ thẩm; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 27/6/2024, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phương E1 có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị N1 H1 bà Huỳnh Thị H1 ông Huỳnh Bảo D14 cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ Bản án số 71/2024/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

Ngày 28/6/2024, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang có quyết định kháng nghị số 24/2024/QĐ-VKS-DS với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm số 71/2024/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phương E13 người đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng N3 có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị N1 H1 bà Huỳnh Thị Hồng Huỳnh Bảo D15 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; yêu cầu kháng cáo; Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang vẫn giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện C. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Bà Huỳnh Thị Phương E14 ý kiến: Yêu cầu hủy án vì thiếu người tham gia tố tụng (vợ ông P9 chồng bà H- có tài sản trên đất) và chưa thu thập đánh giá đầy đủ chứng cứ để giải quyết vụ án gây ảnh hưởng quyền lợi ích hợp pháp của bà và các anh chị em bà.

- Bà Huỳnh Thị H11 ý kiến: Vợ chồng bà đã xây nhà trên đất cha cho hơn 15 năm, nhưng cấp sơ thẩm không xem xét chia cho bà nhận hiện vật và không đưa

chồng bà là ông L1 vào tham gia tố tụng trong vụ án. Ngoài ra, bà là người trực tiếp chăm sóc ông D23 ông D16 bệnh tâm thần phân liệt, không có khả năng lao động; trên phần đất cấp sơ thẩm đã phân chia cho ông D17 có một phần nền nhà của vợ chồng ông P10 trong nhưng cấp sơ thẩm không xem xét đưa vợ ông P11 tham gia tố tụng. Thống nhất ý kiến bà Phương E11 cầu hủy án sơ thẩm để xem xét giải quyết vụ án lại đảm bảo quyền lợi cho bà và vợ chồng ông P

- Bà Huỳnh Thị N1 H1 có ý kiến: Thống nhất ý kiến của bà P1 Evà bà H

- Ông Huỳnh Văn D18 ý kiến: Ngoài yêu cầu được chia 2.500m<sup>2</sup> đất lúa, ông vẫn xác định yêu cầu giải quyết chia cho ông 200m<sup>2</sup> đất ở và được hưởng căn nhà cùng các vật dụng trong nhà như ông đã có đơn yêu cầu độc lập; nhưng cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết cho ông, trên thực tế hiện ông không có chỗ ở phải ở cùng bà H12 khi cha mẹ ông chết. Ngoài ra, ông bị bệnh tâm thần phải sử dụng thuốc hàng ngày và không có khả năng lao động nên ông xin xem xét chia đúng phần ông được hưởng, vì yêu cầu ông hoàn giá trị ông không có khả năng lao động. Trên thực tế hiện trạng tổng diện tích đất 2L cha mẹ ông để lại: Phần đất ông cho ông L2 là từ ranh đất giáp nhà ông Q5 về hết phần đất của bà T1 phần đất từ nhà ông Q5 về đất ông M2 là do ông Q, ông Gông Mông P13 chia nhau canh tác.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị Phương E15 Huỳnh Thị N1 H1 bà Huỳnh Thị Hồng H quyết định kháng nghị phúc thẩm số 24/QĐ-VKS-DS ngày 28/6/2024 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện C; Hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phương E13 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Huỳnh Thị N1 H1 bà Huỳnh Thị H13 Huỳnh Bảo Dằm đơn kháng cáo và đóng tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định; Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện C có quyết định kháng nghị phúc thẩm trong thời hạn luật định, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng N4 đơn xin hoãn phiên tòa, nhưng bà Huỳnh Thị Phương E16 ý xét xử vắng mặt ông N5 căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N

Bị đơn ông Huỳnh Kim Pông Huỳnh Dũng Mông Huỳnh Kim G2 Huỳnh Ngọc Q7 có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Phương Aông Đoàn Thanh L9 Hồ Thị Kim M1cháu Huỳnh Thị T D1và cháu Huỳnh Ngọc K P1do ông Huỳnh Ngọc Q8 Hồ Thị Kim M1làm người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên. Tại phiên tòa ngày 14/11/2024 và ngày 16/12/2024, nguyên đơn bà Phương E17 định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị N1 H1bà Huỳnh Thị Hồng Huỳnh Bảo D15 giữ nguyên yêu cầu độc lập; yêu cầu kháng cáo; Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang vẫn giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện C. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới; Riêng bà H11 cung cấp đơn xác nhận bà H14 người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc ông D19 gian qua, có xác nhận của UBND xã Nngày 15/11/2024.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phương E1 có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị N1 H1bà Huỳnh Thị H13 Huỳnh Bảo Dkháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Các đương sự trong vụ án tranh chấp thừa kế tài sản của cha mẹ là cụ Huỳnh Kim S9(chết năm 2014), cụ Trần Thị T10(chết năm 2016). Cụ S10 cụ T2 09 người con gồm các ông, bà: H16

Nguyên đơn bà Phương E5 kiện yêu cầu chia thừa kế của cụ S3 Được hưởng 1.500m<sup>2</sup> đất trồng lúa trong diện tích đất trồng lúa 6.286m<sup>2</sup> và 200m<sup>2</sup> đất ở trong diện tích đất ở, trồng cây lâu 1.300,3m<sup>2</sup> theo Tờ di chúc ngày 04/01/2014 và ngày 06/02/2014 của cụ SNgày 29/6/2022, bà Phương E18 lại yêu cầu chia di sản thừa kế 200m<sup>2</sup> đất ở. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với phần khởi kiện, yêu cầu chia di sản thừa kế quyền sử dụng diện tích 200m<sup>2</sup> đất ở, cây lâu năm của bà Phương E19 có căn cứ. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án, thể hiện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông D13 yêu cầu độc lập: yêu cầu chia di sản theo Tờ di chúc ngày 04/01/2014, được hưởng 2.500m<sup>2</sup> đất trồng lúa nằm trong diện tích đất trồng lúa 6.286m<sup>2</sup> và 200m<sup>2</sup> đất ở nằm trong diện tích đất ở, trồng cây lâu 1.300,3m<sup>2</sup>; đồng thời ông D10 cầu được chia căn nhà sàn bằng gỗ, lợp ngói, diện tích chiều ngang 5m, chiều dài 9m cùng các vật dụng trong nhà của cha mẹ để lại, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét thụ lý để giải quyết đối với yêu cầu độc lập của ông D là chia căn nhà, các vật dụng, 200m<sup>2</sup> đất ở nằm trong diện tích đất ở, trồng cây lâu 1.300,3m<sup>2</sup> và nhận định yêu cầu này cùng với yêu cầu của bà Phương E9 Dkhông ghi vấn đề cụ thể, yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế theo pháp luật hay theo di chúc nên không giải quyết, là không đảm bảo quyền lợi của ông D

Mặt khác, cấp sơ thẩm đã xem xét giải quyết phân chia cho ông Huỳnh Bảo D12 hưởng quyền sử dụng diện tích 1.432m<sup>2</sup> đất trồng lúa. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, căn cứ Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp lập bổ sung ngày 12/6/2024 của Văn phòng Đ1Chi nhánh C2thể hiện: Phần diện tích 1.432m<sup>2</sup> ông D12 chia tại các điểm 24, 25, 26, 29, 33, 32 có diện tích 449m<sup>2</sup> - có một phần đất bị vợ chồng ông



Huỳnh Kim P14 Trương Thị Bích C; Đồng thời, căn cứ biên bản làm việc với bị đơn ông Huỳnh Kim P15 24/6/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện C: Nền nhà trên đất tranh chấp là của vợ chồng ông P14 B xây dựng để cất nhà ra riêng, nhưng còn cha mẹ nên ở cùng chăm sóc, chưa xây dựng nhà. Và tại cấp phúc thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa đều xác nhận: nền nhà ở vị trí đất cấp sơ thẩm đã phân chia cho ông D20 của vợ chồng ông P16 để cất nhà; còn phù hợp với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/6/2023 của cấp sơ thẩm lập, thể hiện trên diện tích đất 6.286m<sup>2</sup> có: 02 cây xoài (30 năm và 3 năm), 01 cây mít 01 năm cặp nền nhà ông P và một số cây trồng khác,...

Nhưng cấp sơ thẩm chưa xác định và đưa vợ ông P17 bà Trương Thị Bích V gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Đồng thời chưa xác định phần đất vợ chồng ông P17 bà Trương Thị Bích V có diện tích bao nhiêu trong phần vị trí đất giao cho ông D21 định giá tài sản để xem xét: buộc vợ chồng ông P14 B tháo dỡ phần cuốn nền nhà trả đất cho ông D12 chia tại vị trí đất có nền nhà của ông P17 bà Trương Thị Bích V buộc ông D22 trả giá trị là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà B.

Từ phân tích trên, cho thấy cấp sơ thẩm chưa thụ lý hết yêu cầu độc lập của ông D13 thiếu sót trong việc xác định và đưa người tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm cần hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Do hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nội dung vụ án. Tuy nhiên, khi giải quyết lại vụ án, cấp sơ thẩm cần lưu ý các vấn đề sau:

- Xác định rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sau khi có kết quả đo đạc hiện trạng đất tranh chấp; nguồn gốc đất và diện tích đất trên thực tế cụ S3 Để lại mà các đương sự đã quản lý, sử dụng (đã có nhà vợ chồng bà H15 nhà của vợ chồng ông P18 vợ chồng ông Q1 cây trồng trên đất). Vì theo sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp lập ngày 12/01/2024 bổ sung ngày 12/6/2024 của Văn phòng Đ- Chi nhánh C2 đo đạc, xác định:

+ Điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28 có diện tích 10.491,0m<sup>2</sup>, là phần đất tranh chấp giữa bà Huỳnh Thị Phương E13 bà Huỳnh Kim P14 Huỳnh Dũng M Huỳnh Kim G Huỳnh N đó:

+ Điểm 1, 2, 3, 4, 31, 30, 29, 26, 27, 28 có diện tích 2.674,0m<sup>2</sup> là phần đất đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất số 01907eB, ngày 15/10/1996, thuộc tờ bản đồ số 03, thửa 2505, thửa 5576, do bà Huỳnh Thị T8 tên.

+ Điểm 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 38, 37, 35, 34, 33, 32, 24, 25, 26, 29, 30, 31 có diện tích 6.286,0m<sup>2</sup>, là phần đất đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất số 02018eB, ngày 21/10/1996, thuộc tờ bản đồ số 03, thửa 2503 do ông Huỳnh Kim S11 tên.

+ Điểm 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 32, 33, 34, 35, 37, 38 có diện tích 1.531,0m<sup>2</sup>, là phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận.

Cấp sơ thẩm chỉ xem xét cắt chia phần đất 6.286,0m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phía trong – vị trí đất phân chia không giáp đường, khó thi hành án và làm thủ tục kê khai cấp giấy khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phương E15 Hbà H1 và Dcó ý kiến vẫn yêu cầu xem xét giải quyết chia thừa kế cụ S3 Tổng diện tích đất thực tế phía gia đình đang quản lý sử dụng từ năm 1980 đến nay như đã chỉ dẫn khi đo đạc hiện trạng để yêu cầu chia toàn bộ diện tích theo sơ đồ hiện trạng và không được cấp sơ thẩm làm rõ, giải thích khi có bản trích đo hiện trạng đất.

- Về nguồn gốc: Từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02018/eB ngày 21/10/1996 được UBND huyện C cho cụ Huỳnh Kim S11 tên, diện tích: 8.073m<sup>2</sup> (đất 2L + CDK – 600m<sup>2</sup>). Hồ sơ trích lục thể hiện, có giấy ủy quyền ngày 24/8/2006 về việc ủy quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất có nội dung: Bên ủy quyền gồm bà Trần Thị T9 Huỳnh Thị N1 H1bà H17 bà Huỳnh Thị Phương E19 thành viên hộ gia đình ông S2 ông S11 tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Nay đồng ý ủy quyền cho ông S12 mặt thực hiện quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ - có xác nhận của xã NTrên cơ sở giấy ủy quyền trên, ngày 14/9/2007 ông S13 chuyển nhượng cho N7 (thửa 2508) - đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0970eB ngày 14/9/2007 và ngày 14/9/2007: ông S13 chuyển nhượng cho Ngô Thị ĐNguyễn P19 M2549m<sup>2</sup> (thửa 2507) - đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0971eB ngày 14/9/2007.

Do đó, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện tại là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0978eB ngày 14/9/2007 diện tích 6.286m<sup>2</sup> (thửa 2503) ấp N, xã N, Chợ M– đất 2L do UBND huyện C ghi nhận mang tên: Hộ ông Huỳnh Kim Sbà Trần Thị T10(mất 660m<sup>2</sup>- Hồ sơ trích lục: thửa 5660 diện tích 600m<sup>2</sup> đất CDK qua kiểm tra bị mất do làm bờ bao ngăn lũ).

Như vậy cần làm rõ diện tích 6.286m<sup>2</sup> là cấp cho vợ chồng cụ S3 Thay là cấp cho hộ ông Sbà T11 quy định khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai 2013 (nay khoản 25 Điều 3 Luật Đất đai 2024). Nếu là đất cấp cho hộ thì phải làm rõ thành viên hộ là những ai và xác định phần di sản thừa kế của cụ S cụ T12 khác vì đây khối tài sản chung của gia đình.

- Xem xét thụ lý hết các yêu cầu của đương sự đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Bảo D23 theo Đơn yêu cầu độc lập ngày 04/7/2022 (bút lục 42-43) và đơn ngày 20/7/2022 (bút lục 45): Yêu cầu nhận 2.000m<sup>2</sup> đất 2L theo Di chúc ngày 04/01/2014; nhận 200m<sup>2</sup> đất thổ cư, chia căn nhà sàn bằng gỗ, lợp ngói, diện tích chiều ngang 5m, chiều dài 9m và 200m<sup>2</sup> đất ở nằm trong diện tích đất ở, trồng cây lâu năm 1.300,3m<sup>2</sup> theo di chúc 04/01/2014... xin được hưởng căn nhà và các vật dụng trong nhà. Cấp sơ thẩm đã cho ông D24 tạm ứng án phí ngày 04/3/2024. Ông D13 đơn bổ sung ngày nhận 06/3/2024 (bút lục 46): yêu cầu được thưởng thêm 500m<sup>2</sup> (2L) và đã đóng tạm ứng án phí ngày 06/3/2024. Nhưng theo Thông báo thụ lý số 59 ngày 06/3/2023 (bút lục 337) thụ lý yêu cầu độc lập của ông D25 thụ lý giải quyết yêu cầu được nhận 2.500m<sup>2</sup> đất 2L, không thụ lý giải quyết

phần yêu cầu 200m<sup>2</sup> đất thổ cư và yêu cầu hưởng căn nhà, các vật dụng khác...; tại Bản án sơ thẩm nhận định bà P1 Evà ông D13 cùng yêu cầu được hưởng 200m<sup>2</sup> đất thổ cư và bà Phương E18 lại yêu cầu nên đình chỉ yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng diện tích 200m<sup>2</sup> đất ở, cây lâu năm, là không đảm bảo quyền lợi của ông D. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Dkháng cáo vẫn yêu cầu giải quyết phần được hưởng căn nhà, vật dụng và 200m<sup>2</sup> đất thổ cư.

- Yêu cầu đương sự xác định có yêu cầu trưng cầu giám định các tờ di chúc của cả 02 phía nguyên đơn và bị đơn cung cấp khi có ý kiến không đồng ý. Nay tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự yêu cầu trưng cầu giám định các tờ di chúc và xem xét thẩm định tại chỗ vì cho rằng sơ đồ hiện trạng không thể hiện cụ thể từng vị trí đất các đương sự đang trực tiếp quản lý sử dụng; mặt khác việc các đương sự trình bày và cung cấp được xác nhận ông D16 bệnh tâm thần phân liệt, hiện nay vẫn phải uống thuốc hàng ngày và đi lại trong nhà, không có khả năng lao động và được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng do bà H14 người trực tiếp nuôi chăm sóc và lãnh tiền. Do đó, cần thu thập thêm chứng cứ UBND xã có ra quyết định cử người giám hộ cho ông D26; nếu có phải xác định người đại diện giám hộ cho ông D27 vụ án.

- Ngoài ra, cần lưu ý cách tuyên đối với vụ án tranh chấp thừa kế tài sản: phải nêu được hàng thừa kế, di sản thừa kế được xác định chấp nhận chia; cách phân chia thừa kế tài sản theo di chúc hay theo pháp luật,... và khi tuyên đình chỉ giải quyết yêu cầu của đương sự phải nêu rõ đình chỉ yêu cầu của đương sự nào, không được nêu chung chung.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phương E1 có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N1 H1 bà Huỳnh Thị Hồng Huỳnh Văn D28 nhận quyết định kháng nghị phúc thẩm số 24/QĐ-VKS-DS ngày 28/6/2024 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện C; cần phải hủy Bản án sơ thẩm giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung như ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng sẽ được xem xét lại khi giải quyết vụ án sơ thẩm lại.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm, được nhận lại tạm ứng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phương E1 có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N1 H1 bà Huỳnh Thị Hồng Huỳnh Văn D29

Chấp nhận quyết định kháng nghị phúc thẩm số 24/QĐ-VKS-DS ngày 28/6/2024 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện C.

1. Hủy Bản án sơ thẩm số 71/2024/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang;

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

2.1 Án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng: sẽ được xem xét giải quyết lại khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2.2 Án phí phúc thẩm: Các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bà Huỳnh Thị Phương E12 nhận lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0015631 ngày 19/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Bà Huỳnh Thị N1 H1 được nhận lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0015651 ngày 27/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Bà Huỳnh Thị H9 nhận lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0015652 ngày 27/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Ông Huỳnh Văn D30 nhận lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0015653 ngày 27/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THA-DS huyện C;
- Phòng KTNV& THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Minh Châu**

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**